

Bản án số: 79/2024/DS-PT
Ngày 09 – 5 – 2024
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Ông Lê Thanh Hùng.
- Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLPT-DS, ngày 29/02/2024 về việc “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn S3.**

Trụ sở: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị T**, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Nam S**, sinh năm 1967. Địa chỉ Số 17/15A, đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020, 18/9/2020)(có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Phạm Văn O**, sinh năm 1988 (có mặt).

2.2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981.

2.3. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1968.

2.4. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H, bà Trần Thị M, ông Trần Văn B: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 08/5/2024).

2.5. Ông **Thái Hoàng N1**, sinh năm 1948 (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Hoàng N1:

2.5.1. Bà **Cao Thị P**, sinh năm 1950 (vợ) (có mặt).

2.5.2. Bà **Thái Thị Y**, sinh năm 1987 (con)(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.6. Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1936 (có mặt).

2.7. Ông **Nguyễn Minh N2**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2.8. Ông **Quách Ngọc G**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2.9. Ông **Trương Văn L**, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Văn L: Bà **Nguyễn Bạch V**, sinh năm 1955 (văn bản uỷ quyền ngày 10/12/2020)(có mặt).

2.10. Ông **Tạ Tú H1**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2.11. Bà **Phạm Cẩm C**, sinh năm 1985.

2.12. Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Cẩm C, ông Dương Văn Đ: Ông **Phạm Văn O**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

2.13. Ông **Quách Thanh T1**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2.14. Ông **Lê Quốc V1**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Trụ sở: Nguyễn Tất T2, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn T3**, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

3.2. Bà: **Hồ Như T4**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3.3. Bà: **Huỳnh Ngọc H2**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3.4. Bà: **Nguyễn Kim Á**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3.5. Chị: **Nguyễn Diễm K**, sinh năm 2005 (vắng mặt).

3.6. Ông: **Quách Văn V2**, sinh năm 1938 (vắng mặt).

3.7. Bà: **Hoàng Thị S1**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

3.8. Bà: **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3.9. Anh: **Quách N3**, sinh năm 2004 (vắng mặt).

3.10. Bà: **Trần Diệu H3**, sinh năm 1984.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Diệu H3: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

3.11. Anh: **Trần Kha L1**, sinh năm 2006 (vắng mặt).

3.12. Bà: **Phạm Thị N4**, sinh năm 1981.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị N4: Ông **Phạm Văn O**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

3.13. Anh: **Dương Khắc H4**, sinh năm 2005 (vắng mặt).

3.14. Chị: **Dương Gia H5**, sinh năm 2008 (vắng mặt).

3.15. Bà: **Nguyễn Bạch V**, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.16. Ông: **Trương Minh S2**, sinh năm 1974.

3.17. Ông: **Trương Minh T6**, sinh năm 1984.

3.18. Bà: **Nguyễn Kim C1**, sinh năm 1985.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Minh S2, ông Trương Minh T6, bà Nguyễn Kim C1: Bà **Nguyễn Bạch V**, sinh năm 1955 (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024)(có mặt).

3.19. Bà: **Nguyễn Thị T7**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.20. Bà: **Trương Thị K1**, sinh năm 1990.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị K1: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

3.21. Ông: **Trương Vũ L2**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

3.22. Chị: **Trương Kiều D**, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.23. Ông: **Trương Khâm V3**, sinh năm 1981.

3.24. Bà: **Huỳnh Thị H6**, sinh năm 1989.

3.25. Ông: **Phạm Minh T8**, sinh năm 1956.

3.26. Bà: **Trương Thị T9**, sinh năm 1960.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Khâm V3, bà Huỳnh Diệu H7, ông Phạm Minh T8, bà Trương Thị T9: Ông **Phạm Văn O**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

3.27. Ông: **Phạm Công T10**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3.28. Chị **Phạm Thị Ngọc L3**, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.29. Anh **Phạm Công T11**, sinh năm 2003.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Phạm Công T11: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2024).

3.30. Bà: **Đỗ Thị H8**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.31. Chị: **Nguyễn Ngọc H9**, sinh năm 2006 (vắng mặt).

3.32. Chị: **Thái Như Ý**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Dương Văn Đ, Trần Thị M, Trần Thị H, Trần Văn B, Cao Thị P, Huỳnh Thị N, Phạm Cẩm C, Trương Văn L, Phạm Văn O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Công ty TNHH S3 là nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH S3 có trụ sở tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/5/2013 với diện tích 122.354,9m², thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 02 và diện tích 46.552,2m², thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 11, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2014, phần đất tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Công ty đã sử dụng phần đất trên hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình sử dụng đất đến khoảng tháng 7/2020 thì một phần đất của Công ty TNHH S3 được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê bị 14 hộ dân lấn chiếm, nên Công ty yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm, cụ thể: Ông Phạm Văn O giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 64,4m²; bà Trần Thị H giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 55,8m²; ông Thái Hoàng N1 giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 40,5m²; bà Huỳnh Thị N giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 33m²; ông Nguyễn Minh N2 giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 1,4m²; ông Quách Ngọc G giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 11,2m²; ông Trương Văn L giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 117,1m²; bà Trần Thị M giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 16,7m²; ông Tạ Tú H1 giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 29,6m²; bà Phạm Cẩm C giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 71,4m²; ông Quách Thanh T1 giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 45,2m²; ông Trần Văn B giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 70,7m²; ông Dương Văn Đ giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 71,5m² và ông Lê Quốc V1 giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 79,1m² và yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên đất để giao trả lại phần đất cho Công ty TNHH S3 và Công ty không đồng ý hỗ trợ khoản chi phí nào theo yêu cầu của các bị đơn.

** Theo bị đơn bị đơn ông Phạm Văn O; bà Trần Thị H (ủy quyền cho bà Huỳnh Thị N); bà Cao Thị P, bà Thái Thị Y (vợ con của bị đơn ông Thái Hoàng N1); bà Huỳnh Thị N; ông Nguyễn Minh N2; ông Quách Ngọc G; ông Trương Văn L (ủy quyền cho bà Nguyễn Bạch V); bà Trần Thị M, ông Tạ Tú H1, bà Phạm Cẩm C (ủy quyền cho ông Phạm Văn O); ông Quách Thanh T1, ông Trần Văn B (ủy quyền cho bà Huỳnh Thị N); ông Dương Văn Đ (ủy quyền cho ông Phạm Văn O) và ông Lê Quốc V1 trình bày*:

Ông Phạm Văn O thừa nhận có lấn chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 64,4m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; bà Trần Thị H thừa nhận có lấn chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 55,8m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Thái Hoàng N1 (đã chết, do bà Cao Thị P là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng) thừa nhận có lấn chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 40,5m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; bà Huỳnh Thị N thừa nhận có lấn chiếm phần đất của Công ty TNHH

S3 diện tích 33m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Nguyễn Minh N2 thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 1,4m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Quách Ngọc G thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 11,2m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Trương Văn L thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 117,1m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; bà Trần Thị M thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 16,7m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Tạ Tú H1 thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 29,6m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; bà Phạm Cẩm C thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 71,4m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Quách Thanh T1 thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 45,2m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Trần Văn B thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 70,7m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Dương Văn Đ thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 71,5m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty; ông Lê Quốc V1 thừa nhận có lần chiếm phần đất của Công ty TNHH S3 diện tích 79,1m² và đồng ý giao trả giá trị phần đất cho Công ty theo quy định, trong trường hợp phải tháo dỡ, di dời các công trình kiến trúc xây dựng trên phần đất thì yêu cầu Công ty hỗ trợ chi phí sao cho phù hợp.

Các bị đơn xác định nguyên nhân dẫn đến việc quay lại sử dụng đất đã bàn giao cho cơ quan Nhà nước khi đã có quyết định thu hồi và bồi thường xong là do khó khăn trong cuộc sống, bố trí tái định cư cho 7 hộ dân khu vực giải tỏa xây dựng Trại sản xuất tằm giống Gò C2 là chưa thực hiện theo Văn bản số 20/UB ngày 22/04/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 đối với các bị đơn ông Phạm Văn O, bà Trần Thị H, ông Thái Hoàng N1, bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Minh N2, ông Quách Ngọc G, ông Trương Văn L, bà Trần Thị M, ông Tạ Tú H1, bà Phạm Cẩm C, ông Quách Thanh T1, ông Trần Văn B, ông Dương Văn Đ, ông Lê Quốc V1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Phạm Văn O, bà Trần Thị H, ông Thái Hoàng N1 (đã chết, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Cao Thị P, bà Thái Thị Y), bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Minh N2, ông Quách Ngọc G, ông Trương Văn L, bà Trần Thị M, ông Tạ Tú H1, bà Phạm Cẩm C, ông Quách Thanh T1, ông Trần Văn B, ông Dương Văn Đ, ông Lê Quốc V1 có nghĩa vụ giao trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 diện tích đất gồm: ông Nguyễn Minh N2 diện tích 1,4m²; ông Trương Văn L diện tích 117,1m²; bà Huỳnh Thị N diện tích 33m²; ông Phạm Văn O diện tích 64,4m²; ông Quách Thanh T1 diện tích 1,3m²; ông Thái Hoàng N1 diện tích 40,5m²; ông Dương Văn Đ diện tích 71,5m²; ông Trần Văn B diện tích 70,7m²; bà Trần Thị M diện tích 16,7m²; bà Phạm Cẩm C diện tích 71,4m²; bà Trần Thị H

diện tích 55,8m²; ông Tạ Tú H1 diện tích 29,6m², thuộc một phần thửa 146, tờ bản đồ số 02, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH S3 ngày 31/5/2013, đất tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và phần đất thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 11, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH S3 ngày 15/7/2014, đất tọa lạc ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu gồm: ông Lê Quốc V1 diện tích 79,1m²; ông Quách Ngọc G diện tích 11,2m²; ông Quách Thanh T1 diện tích 43,9m².

Buộc các đương sự di dời các công trình đã xây dựng để trả lại đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, bị đơn Dương Văn Đ, Trần Thị M, Trần Thị H, Trần Văn B, Cao Thị P, Huỳnh Thị N, Phạm Cẩm C, Trương Văn L, Phạm Văn O kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu Công ty S3 và UBND huyện Đ thực hiện bố trí đất tái định cư cho 07 hộ dân theo Công văn số 20 ngày 22/4/2022 của UBND huyện Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Dương Văn Đ, Trần Thị M, Trần Thị H, Trần Văn B, Cao Thị P, Huỳnh Thị N, Phạm Cẩm C, Trương Văn L, Phạm Văn O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Do các đương sự kháng cáo huỷ án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ và tài liệu chứng minh. Mặt khác, quyết định của Bản án sơ thẩm có một số sai sót ảnh hưởng đến 01 phần quyền lợi của đương sự. Nên kháng cáo của các đương sự trên có căn cứ chấp nhận, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST, ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của các bị đơn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Những bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH S3 yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M, bà Trần Thị H, ông Trần Văn B, bà Cao Thị P, bà Huỳnh Thị N, bà Phạm Cẩm C, ông Trương Văn L, ông Phạm Văn O:

[3.1] Xét về nguồn gốc đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định toàn bộ phần đất tranh chấp có nguồn gốc của Công ty TNHH S3 được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/5/2013 với diện tích 122.354,9m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 02 và diện tích 46.552,2m², thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 11, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2014, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm: Các bị đơn đều thừa nhận khi được Nhà nước thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất đang tranh chấp, các bị đơn thống nhất nhận tiền bồi thường và đã bàn giao đất cho cơ quan Nhà nước xong. Do Công ty TNHH S3 và UBND huyện Đ hứa cấp nền tái định cư nhưng không cấp cho các bị đơn, các bị đơn trong quá trình sinh sống gặp hoàn cảnh khó khăn nên quay trở lại phần đất trước đây đã bàn giao để xây dựng các công trình sử dụng. Từ sự thừa nhận của các đương sự, cho thấy các bị đơn đã lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH S3, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013.

Các bị đơn không còn quyền sử dụng đất tại vị trí đất tranh chấp, nhưng hiện tại lại xây dựng công trình để lấn chiếm (một phần nằm trên đất tranh chấp, một phần nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m) và yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời, nên cấp sơ thẩm buộc tháo dỡ các công trình kiến trúc đã xây dựng và không chấp nhận hỗ trợ chi phí di dời theo yêu cầu của các bị đơn là có cơ sở.

[3.3] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Xét thấy, Bản án sơ thẩm đã có những thiếu sót như nhận định của Kiểm sát viên. Song bản án đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, cấp phúc thẩm có thể bổ sung, tạo thuận lợi trong quá trình thi hành án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Các bị đơn cho rằng Công ty TNHH S3 và Ủy ban nhân dân huyện Đ bố trí tái định cư khu vực giải tỏa xây dựng Trại sản xuất tằm giống Gò Cát chưa thỏa đáng theo Văn bản số 20/UB ngày 22/04/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Song đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã cho Công ty TNHH S3 thuê, nên Văn bản số 20/UB ngày 22/04/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu là một vụ việc khác, các đương sự có quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ một phần, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Các bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M, bà Trần Thị H, ông Trần Văn B, bà Cao Thị P, bà Huỳnh Thị N, bà Phạm Cẩm C, ông Trương Văn L, ông Phạm Văn O không được chấp nhận kháng cáo, nên mỗi bị đơn phải nộp 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị N, bà Cao Thị P, ông Trương Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn nộp 300.000 đồng án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Trần Thị M, bà Trần Thị H, ông Trần Văn B, bà Cao Thị P, bà Huỳnh Thị N, bà Phạm Cẩm C, ông Trương Văn L, ông Phạm Văn O.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 đối với các bị đơn ông Phạm Văn O, bà Trần Thị H, ông Thái Hoàng N1, bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Minh N2, ông Quách Ngọc G, ông Trương Văn L, bà Trần Thị M, ông Tạ Tú H1, bà Phạm Cẩm C, ông Quách Thanh T1, ông Trần Văn B, ông Dương Văn Đ, ông Lê Quốc V1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

1.1. Buộc bị đơn ông Phạm Văn O trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 64,4m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Dương Văn Đ với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,80m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp bà Phạm Cẩm C với Công ty TNHH S3, cạnh dài 4,00m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 16,60m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Phạm Văn O đang sử dụng), cạnh dài 16,60m.

1.2. Buộc bị đơn bà Trần Thị H trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 55,8m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp bà Huỳnh Thị N với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,28m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Trần Văn B với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,50m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 16,50m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (bà Trần Thị H đang sử dụng), cạnh dài 16,50m.

1.3. Buộc bị đơn ông Thái Hoàng N1 (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng thực hiện) trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 40,5m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 2,0m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Tạ Tú H1 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 1,4m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 23,60m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Thái Hoàng N1 đang sử dụng), cạnh dài 23,66m.

1.4. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 33,0m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp bà Trần Thị M với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,00m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp bà Trần Thị H với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,28m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 10,55m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (bà Huỳnh Thị N đang sử dụng), cạnh dài 10,58m.

1.5. Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N2 trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 1,4m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Tạ Tú H1 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 0,25m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Quách Thanh T1 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 0,17m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 7,0m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Nguyễn Minh N2 sử dụng), cạnh dài 7,0m.

1.6. Buộc bị đơn ông Quách Ngọc G trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 11,2m², thuộc một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 11, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 15/7/2014, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 2,15m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Lê Quốc V1, cạnh dài 2,37m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 5,0m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Quách Ngọc G đang sử dụng), cạnh dài 5,0m.

1.7. Buộc bị đơn ông Trương Văn L trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 117,1m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất ông Trương Văn L, cạnh dài 2,80m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp bà Trương Thị B1, cạnh dài 2,80m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 42m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Trương Văn L đang sử dụng), cạnh dài 42m.

1.8. Buộc bị đơn bà Trần Thị M trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 16,7m², thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp bà Trương Thị B1, cạnh dài 2,80m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp bà Huỳnh Thị N với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,00m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 5,80m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (bà Trần Thị M đang sử dụng), cạnh dài 5,80m.

1.9. Buộc bị đơn ông Tạ Tú H1 trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 29,6m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Thái Hoàng N1 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 1,4 + 1,75m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Nguyễn Minh N2 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 0,25 + 2,55m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 10,0m;

+ Hướng Bắc giáp: đất tranh chấp ông Lê Quốc V1, cạnh dài 10,0m.

1.10. Buộc bị đơn bà Phạm Cẩm Chi t cho Công ty TNHH S3 diện tích 71,4m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Phạm Văn O với Công ty TNHH S3, cạnh dài 4,00m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Thái Hoàng N1, cạnh dài 4,00m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 18,00m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (bà Phạm Cẩm C sử dụng), cạnh dài 17,78m.

1.11. Buộc bị đơn ông Quách Thanh T1 trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 43,9m², thuộc một phần thửa đất số 461, tờ bản đồ số 11, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 15/7/2014 và diện tích 1,3m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013.

Diện tích 43,9m² theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Nguyễn Minh N2 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 8,00m;

+ Hướng Tây giáp: đất ông B2, cạnh dài 10,26m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 4,27m;

+ Hướng Bắc giáp: đất ông Quách Thanh T1, cạnh dài 4,45m.

Diện tích 1,3m² theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Quách Thanh T1 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 1,68m;

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Nguyễn Minh N2 với Công ty TNHH S3, cạnh dài 1,70m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 0,73m;

+ Hướng Bắc giáp: đất ông Quách Thanh T1, cạnh dài 0,17m.

1.12. Buộc bị đơn ông Trần Văn B trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 70,7m², thuộc một phần thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp bà Trần Thị H với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,50m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Dương Văn Đ với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,50m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 20,20m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Trần Văn B sử dụng), cạnh dài 20,20m.

1.13. Buộc bị đơn ông Dương Văn Đ trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 71,5m², thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 31/5/2013, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Trần Văn B với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,50m;

+ Hướng Tây giáp: đất tranh chấp ông Phạm Văn O với Công ty TNHH S3, cạnh dài 3,80m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 19,60m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Dương Văn Đ sử dụng), cạnh dài 19,60m.

1.14. Buộc bị đơn ông Lê Quốc V1 trả cho Công ty TNHH S3 diện tích 79,1m², thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ số 11, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S3 ngày 15/7/2014, theo đo đạc thực tế có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp: đất tranh chấp ông Quách Ngọc G với Công ty TNHH S3, cạnh dài 13,27m;

+ Hướng Tây giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 13,20m;

+ Hướng Nam giáp: đất Công ty TNHH S3, cạnh dài 6,0m;

+ Hướng Bắc giáp: phần đất nằm trong hành lang chỉ giới huy hoạch giao thông 22,50m (ông Lê Quốc V1 sử dụng), cạnh dài 6,0m.

Buộc ông Phạm Văn O, bà Huỳnh Thị H6, ông Phạm Minh T8, bà Trương Thị T9 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần căn nhà ngang 16,5m dài 2,5m, diện tích 41,25m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch bông, mái tol lạnh.

Buộc bà Trần Thị H, ông Phạm Công T10, bà Phạm Thị Ngọc L3, ông Phạm Công T11 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 16,2m dài 4m, diện tích 84,4m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền xi măng, mái tol. Hiện phần đất do bà Trần Thị H, ông Phạm Công T12, bà Phạm Thị Ngọc L3 và ông Phạm Công T11 đang quản lý sử dụng.

Buộc bà Cao Thị P (người thừa kế quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn ông Thái Hoàng N1) có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một nhà vệ sinh **4 ngăn** và hầm tự hoại ngang 5m, dài 1,6m và 01 hồ nước xây gạch lộ thiên ngang 3m, dài 2m, cao 1,3m, thể tích 1,8m³.

Buộc bà Huỳnh Thị N, ông Trần Văn B, bà Trần Diệu H3 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 10,7m dài 4,3m, diện tích 46,1m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn cây gỗ địa phương, vách thiếc, nền đất, mái lá.

Buộc ông Nguyễn Minh N2, bà Hồ Như T4 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một mái che, lợp tol lạnh diện tích 1,40m².

Buộc ông Quách Ngọc G, bà Huỳnh Ngọc H2 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một mái che, lợp tol lạnh, đòn tay kẽm, cột bê tông, sàn nhà lót bê tông, có nhà vệ sinh có hầm tự hoại gắn liền với căn nhà.

Buộc ông Trương Văn L, bà Nguyễn Bạch V, ông Trương Minh S2 và ông Trương Minh T6 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 36m dài 2,8m, diện tích 90m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn sắt, vách thiếc, nền gạch bông, mái tol.

Buộc bà Trần Thị M, bà Trương Thị K1, ông Trương Vũ L2 và bà Trương Kiều D có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ phần cấu trúc căn nhà ngang 6m dài 4,4m, diện tích 26,4m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn bê tông cốt thép, vách tol lạnh, nền xi măng, mái tol lạnh.

Buộc ông Tạ Tú H1, bà Nguyễn Thị T7 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 10m dài 2,68m, tổng diện tích là 26,8m², khung sườn bê tông cốt thép, vách thiếc, máy tol lạnh, nền xi măng và 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại.

Buộc bà Phạm Cẩm C, ông Trương Khâm V3 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 17m dài 2m, diện tích 34m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn sắt, vách tường xây, nền xi măng, mái tol lạnh.

Buộc ông Quách Thanh T1, bà Nguyễn Thị T5, Quách N3, ông Quách Văn V2 và bà Hoàng Thị S1 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 5m dài 2,6m, tổng diện tích là 12m², khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, máy tol lạnh, nền gạch men.

Buộc ông Dương Văn Đ, bà Phạm Thị N4, Dương Khắc H4, Dương Gia H5 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 19,8m dài 2,8m, diện tích 55,4m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn sắt, vách tol lạnh, nền xi măng, mái tol lạnh.

Buộc ông Trần Văn B, bà Trần Diệu H3, Trần Kha L1 có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 18,7m dài 3,5m, diện tích 65,45m². Kết cấu căn nhà: Khung sườn gỗ địa phương, vách thiếc, nền xi măng, mái tol lạnh.

Buộc ông Lê Quốc V1, bà Nguyễn Kim Á, Nguyễn Diễm K có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ một phần cấu trúc căn nhà ngang 6m dài 26m, tổng diện tích là 156m², khung sườn gỗ địa phương, vách thiếc, mái lá, nền xi măng; 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại và 01 cây nước phi 49.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Quách Ngọc G ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông G ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Nguyễn Minh N2 ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông N2 ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với

ông Trương Văn L ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông L ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với bà Phạm Cẩm C ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với bà C ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với bà Trần Thị M ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với bà M ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Tạ Tú H1 ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông H1 ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Phạm Văn O ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông O ngày 12/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với bà Trần Thị H ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với bà H ngày 12/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Thái Hoàng N1 ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông N1 ngày 12/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với bà Huỳnh Thị N ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với bà N ngày 12/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Dương Văn Đ ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông Đ ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Quách Thanh T1 ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông T1 ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Trần Văn B ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông B ngày 02/4/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp với ông Lê Quốc V1 ngày 20/01/2021 và trích đo phần đất tranh chấp với ông V1 ngày 02/4/2021)

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ông Phạm Văn O có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.703.880 đồng (Một triệu bảy trăm lẻ ba ngàn tám trăm tám mươi đồng); bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.854.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng); bà Cao Thị P (vợ ông Thái Hoàng N1) có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.727.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng); bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.854.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng); ông Nguyễn Minh N2 có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.877.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng); ông Quách Ngọc G có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.877.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng); ông Trương Văn L có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 2.191.040 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi một ngàn không trăm bốn mươi đồng), bà Trần Thị M có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.826.940 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng); ông Tạ Tú H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.826.940 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng), bà Phạm Cẩm C có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.953.880 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ba ngàn tám trăm tám mươi đồng); ông Quách Thanh T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 2.504.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng), ông Trần Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH

S3 số tiền 1.954.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn đồng); ông Dương Văn Đ có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.954.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn đồng) và ông Lê Quốc V1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty TNHH S3 số tiền 1.827.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn O, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Minh N2, ông Quách Ngọc G, bà Trần Thị M, ông Tạ Tú H1, bà Phạm Cẩm C, ông Quách Thanh T1, ông Trần Văn B, ông Dương Văn Đ và ông Lê Quốc V1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Cao Thị P (người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Thái Hoàng N1), bà Huỳnh Thị N, ông Trương Văn L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH S3 đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng), lai thu số 0008061, 0008062, 0008063, 0008064, 0008065, 0008066, 0008067, 0008068, 0008069, 0008070, 0008071, 0008072, 0008073, 0008074 và 0008075 cùng ngày 18/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, sẽ được hoàn lại đủ.

- Án phí phúc thẩm:

Bị đơn Dương Văn Đ, Trần Thị M, Trần Thị H, Trần Văn B, Phạm Cẩm C, Phạm Văn O mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Các đương sự đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0009951, 0009950, 0009949, 0009948 cùng ngày 15/02/2024, số 0009963, 0009962 cùng ngày 16/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bị đơn Cao Thị P, Huỳnh Thị N, Trương Văn L mỗi người được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí